

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1037/2024/HC-PT

Ngày 17-9-2024

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:*
Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 330/2024/TLPT-HC ngày 03 tháng 4 năm 2024 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2714/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lưu Quang T; (chết ngày 16 tháng 5 năm 2024)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lưu Quang T gồm:

1. Bà Trương Thị N, sinh năm 1925 (mẹ đẻ của ông Lưu Quang T). Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Hà Thị Thanh Y, sinh năm 1960 (vợ của ông Lưu Quang T) Có mặt.

3. Ông Lưu Hà Trung K, sinh năm 1985 (con của ông Lưu Quang T) Có mặt.

4. Bà Lưu Hà Huyền T1, sinh năm 1989 (con của ông Lưu Quang T) Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số D, đường T, Khu phố B, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Ông Bùi Quốc T2; địa chỉ: Số A, đường V, Khu phố E, phường A, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Ông Lưu Hà Trung K, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D, đường T, Khu phố B, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Trần Quốc S – Phó Trưởng phòng tiếp dân – Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (Có mặt).

Ông Trần Cảnh P – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Phạm Anh T3 – Phó Trưởng phòng tiếp dân – Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hà Thị Thanh Y; (Có mặt)

Địa chỉ: Số D, đường T, Khu phố B, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị Thanh Y: Ông Bùi Quốc T2; địa chỉ: A, đường V, Khu phố E, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Ủy ban nhân dân phường B, Quận B (nay phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân phường B, Quận B (nay phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Trường N1 -

Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường phường B (nay là phường A), thành phố T). (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu Quang T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Nhà, đất số D Khu phố B, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc trên phần đất diện tích 140m² có nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng của bà Trà Thị T4. Năm 1999, chính quyền địa phương xác định là khu đất trên thuộc sở hữu nhà nước và thu hồi giao cho Công ty Q. Công ty đã cho bà T4 và ông T thuê lại theo Hợp đồng thuê số 270 ngày 14/02/1999 (người đứng thuê trong hợp đồng là bà T4). Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất vì là anh em kết nghĩa nên ông T có nhờ gia đình bà T4 trông coi giùm đồng thời bà T4 kê khai đăng ký nhà đất năm 1999. Năm 2000, bà T4 mang toàn bộ nhà, đất đi thế chấp vay với lãi suất cao. Để không bị mất nhà, ông T và bà T4 lập thêm một giấy mua bán nhà và có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi bà T4 trả hết khoản tiền ông T và bà T4 đã hủy bản chính mua bán năm 2000.

Năm 2002, ông T tiến hành sửa chữa và đưa cả gia đình về cư trú, đăng ký tạm trú tại nhà đất trên. Năm 2004, do nhà thấp bị triều cường gây ngập nước nên ông T đã làm đơn xin phép sửa chữa và được cấp Giấy phép số 3917/UB- QLTT ngày 16/9/2004. Ngày 20/4/2004, ông T được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Quận 2 cấp số nhà D Khu phố B, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/5/2010, B ban hành Quyết định số 5692/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông T tổng số tiền là 137.340.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Theo ông T, nhà đất của ông T nằm ngoài ranh dự án Khu đô thị M. Ông T yêu cầu Toà án hủy các quyết định và xem xét các hành vi sau đây:

- Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại.

- Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch B.

- Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Chủ tịch B về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M.

Xác định hành vi hành chính của B về việc “không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ- UB ngày 10/5/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới T” là trái pháp luật.

Xác định hành vi hành chính của Chủ tịch B về việc “sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất số D19/10D Khu phố B, phường B, Quận B nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của UBND Thành phố H và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D Khu phố B, phường B, Quận B” là trái pháp luật.

Người bị kiện B nay là UBND Thành phố T và Chủ tịch B nay là Chủ tịch UBND Thành phố T có đơn xin vắng mặt.

Theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố T thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì thành lập thành phố T trên cơ sở nhập toàn bộ Quận B, Quận I và quận T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Trần Quốc S trình bày:

Sau khi có Bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, Chủ tịch B đã ban hành Quyết định số 6289/QĐ- UBND-TTr ngày 22/12/2017 Về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1928/QĐ-UBND - TTr ngày 16/02/2011. B ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của B, kèm theo bản chiết tính điều chỉnh số 1976/ĐC-BK ngày 15/02/2019 theo đó ông T được tính diện tích đất ở là 48,78m², phần còn lại là đất nông nghiệp, ông T được tiêu chuẩn mua 01 căn hộ tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phạm Hoàng Anh T5 trình bày:

Phần nhà đất có diện tích 136,69m² tọa lạc tại số D, Khu phố B, phường B, Quận B thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 22, phường B, Quận B (bản đồ địa chính năm 2002) do ông Lưu Quang T sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa Khu đô thị M theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của UBND Thành phố H.

Ngày 17/3/2010, UBND phường B có giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 151/UBND-XN đối với phần nhà, đất nêu trên.

B nhận thấy: Tại Điều 1 của Quyết định số 1997/QĐ - UB ngày 10/5/2002 của UBND Thành phố có nêu: “Vị trí, ranh giới khu đất bị thu hồi được xác định trên bản đồ số 02/BB – BQL do Công ty Đ1 địa chính và công trình lập, Sở Địa chính – Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002”. Như vậy tại vị trí căn nhà số D Khu phố B, phường B, Quận B do ông T sử dụng nằm trong ranh quy hoạch Khu đô thị M. Do đó, B giữ nguyên nội dung các quyết định hành chính đã ban hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường B có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trường N1 trình bày:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đ1 địa chính công trình lập ngày 09/3/2010 thì phần diện tích nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T thuộc một phần thửa đất số 37 tờ bản đồ số 22 (bản đồ địa chính 2002), Khu phố B, phường B, Quận B, có nguồn gốc, quá trình sử dụng như sau:

Đất có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ trưng thu từ năm 1972 nhưng chưa đưa vào sử dụng. Sau năm 1975 do Nhà nước trực tiếp quản lý theo Tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 530, tờ 01, xã A, huyện T (cũ) nhưng trong thực tế do Nhà nước chưa quản lý sử dụng, nên ông Nguyễn Văn T6 tự khai thác sử dụng từ trước năm 1980. Năm 1989 ông T6 chuyển nhượng lại phần đất trống này cho ông Hồ Thanh H, sau đó ông H cất nhà lá và chuyển nhượng lại nhà, đất cho bà Mai Thị T7. Tháng 01/1993 bà T7 chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Phan Thanh H1, sau đó, ông H1 tiếp tục chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Lê Hữu Đ. Tháng 06/1993 ông Đ chuyển nhượng lại nhà, đất có diện tích khoảng 280m² cho ông Nguyễn Hữu P1 có vợ là bà Trà Thị T4. Trong quá trình sử dụng, ông P1, bà T4 đã sửa chữa, xây dựng lại toàn bộ căn nhà để ở. Đến ngày 08/8/2000 ông P1 và bà T4 lập giấy tay chuyển nhượng một phần đất trống (bên hông nhà) cho ông Lưu Quang T có diện tích khoảng 140m² và ông T sử dụng đến nay.

Về nhà: Năm 2002, ông T tiến hành xây dựng nhà tạm (không có giấy phép xây dựng) với cấu trúc: tường mượn, mái tole, nền xi măng (theo bản vẽ do Công ty Q lập ngày 06/07/2002). Đến tháng 9/2004, ông T nộp đơn xin phép xây dựng

lại phần nhà này. Ngày 16/9/2004 B đã có Công văn số 3917/UB – UBND với nội dung cho phép ông T sửa chữa tạm (chống dột, nâng nền, nâng mái) với diện tích 33,6m² và ông T đã thực hiện sửa chữa lại nhà như hiện trạng bản vẽ bồi thường và sử dụng cho đến nay.

Ngoài ra, tháng 01/2007, ông T thực hiện xây dựng công trình không có giấy phép với diện tích $(7,8m \times 3,3m) \times 2 = 51,48m^2$ trên phần đất trống, UBND phường B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ- UBND ngày 22/01/2007 và Quyết định cưỡng chế số 32/QĐ-UBND ngày 15/03/2007 (phần công trình này không thể hiện trong bản vẽ bồi thường).

Ngày 30/9/1999, B ký Quyết định số 2551/QĐ-UB-QLĐT về việc thu hồi đất công tại phường B do 346 hộ dân đang sử dụng (trong đó có hộ bà T4). Đến ngày 13/10/2003, B đã ban hành Quyết định số 9835/QĐ- UB-QLĐT về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2551/QĐ-UB-QLĐT, nội dung Quyết định có nêu “... giao UBND phường B lập sổ sách theo dõi, quản lý việc sử dụng đất của 346 hộ theo danh sách trước đây để thực hiện chính sách hỗ trợ, đền bù và đất do các quy định khác trong quản lý sử dụng đất”. Đất không nằm trong danh mục UBND phường trực tiếp quản lý và ngày 17/4/2008, Công ty Q có Công văn số 381/CV-PTN-QLN xác nhận phần đất trên không có tên trong danh sách nhà sở hữu Nhà nước thuộc Công ty đang quản lý.

Về tranh chấp khiếu nại: hiện không có tranh chấp khiếu nại về diện tích đất và quyền sử dụng đất.

Về vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, sử dụng đất: có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 và Quyết định cưỡng chế số 32/QĐ-UBND ngày 15/03/2007.

Về nộp thuế nhà đất: hộ Lưu Quang T không có tên trong danh sách sổ bộ thuế của phường. Diện tích nhà, đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Căn cứ theo Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ UB do UBND Thành phố H ban hành ngày 10/5/2002 về việc thu hồi đất xây dựng Khu đô thị M đính kèm bản đồ số 02/BB đã được Sở địa chính nhà đất duyệt ngày 03/5/2002 thì vị trí nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T nằm hoàn toàn trong khu quy hoạch dự án Khu đô thị M.

UBND phường B khẳng định Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 151/GXN - UBND, ngày 17/3/2010 là có căn cứ và chính xác. Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Thanh Y trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Lưu Quang T và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án số 01/2017/HC-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2, đã tuyên xử như sau: Không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Quang T và bà Hà Thị Thanh Y về việc hủy Quyết định hành chính số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của B về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M và Quyết định số 5692/QĐ-UBND, ngày 10/5/2010 của B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của B.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 xác định hành vi hành chính của B về việc không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm ngày 10/5/2002 là trái pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về việc đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 xác định hành vi hành chính của Chủ tịch B về việc sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất số D19/10D Khu phố B, phường B, Quận B nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D Khu phố B, phường B, Quận B.

Ngày 02/02/2017, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/9/2022, người bảo vệ của UBND thành phố T cung cấp cho Tòa án Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của B, Quyết định số 6289/QĐ-UBND-TTr ngày 22/12/2017 của Chủ tịch B nhưng người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo. Tại bản án hình chính phúc thẩm số 642/2022/HC-PT ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án số 01/2017/HCST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận 2. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T về việc đề nghị Tòa án xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B nay là Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới T là trái pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M và Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch B nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc đề nghị Tòa án xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất D19/10D Khu phố B, phường B, Quận B nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D Khu phố B, phường B, Quận B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, ông Lưu Quang T có làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, ông Lưu Quang T chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội

đồng xét xử, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, để xét xử lại vì chưa thu thập chứng cứ đầy đủ. Cụ thể, đất của ông T không nằm trong đồ án quy hoạch, nếu nằm trong bản đồ quy hoạch như UBND thành phố T trình bày thì yêu cầu cung cấp bản đồ chi tiết 1/2000.

- Người bị kiện vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định đất của ông Lưu Quang T nằm trong khu quy hoạch của dự án Khu đô thị M. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung đơn kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2023 ông Lưu Quang T là người khởi kiện có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Ngày 16 tháng 5 năm 2024, ông T chết, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm và được chấp nhận theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 59 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lưu Quang T yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ

tịch B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch B. và Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Chủ tịch B về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M. Xét thấy các Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông Lưu Quang T gồm: Cụ Lưu Văn D (cha ông T) đã chết; cụ Trương Thị N (mẹ ông T), sinh năm 1925, cư trú tại tỉnh Hải Dương; bà Hà Thị Thanh Y (vợ ông T); bà Lưu Hà Huyền T1 (con ông T); ông Lưu Hà Trung K (con ông T).

Cụ Lưu Văn D (cha ông T) đã chết; cụ Trương Thị N (mẹ ông T), sinh năm 1925, cư trú tại tỉnh Hải Dương. Theo ông Lưu Hà Trung K cho biết cụ N do sức khỏe yếu, ở xa nên cụ không tham gia phiên tòa phúc thẩm được; bà Lưu Hà Huyền T1 (con ông T), vắng mặt do bận công việc; Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân phường B, Quận B (nay phường A, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Cảnh P, ông Phạm Anh T5 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đã nêu trên.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Theo trình bày của ông T, ông T2 và ông K, thì nhà đất của ông T nằm ngoài ranh dự án Khu đô thị M nên ông T yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch B. Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Chủ tịch B về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M.

[4.2] Về nguồn gốc nhà, đất của ông Lưu Quang T:

[4.2.1] Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đ1 địa chính công trình lập ngày 09/3/2010 thì phần diện tích nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T thuộc một phần

thửa đất số 37 tờ bản đồ số 22 (bản đồ địa chính 2002), Khu phố B, phường B, Quận B (nay là thành phố T).

Theo tài liệu có trong hồ sơ, tài liệu do người bị kiện cung cấp; trước khi ông T chuyển nhượng đất của bà Trà Thị T4 thì đất có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ trưng thu từ năm 1972 nhưng chưa đưa vào sử dụng. Sau năm 1975 do Nhà nước trực tiếp quản lý theo Tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 530, tờ 01, xã A, huyện T (cũ), nhưng thực tế do Nhà nước chưa quản lý sử dụng, nên ông Nguyễn Văn T6 tự khai thác sử dụng từ trước năm 1980. Năm 1989 ông T6 chuyển nhượng lại phần đất trống này cho ông Hồ Thanh H, sau đó ông H cất nhà lá và chuyển nhượng lại nhà, đất cho bà Mai Thị T7. Tháng 01/1993 bà T7 chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Phan Thanh H1, sau đó, ông H1 tiếp tục chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Lê Hữu Đ. Tháng 06/1993, ông Đ chuyển nhượng lại nhà, đất có diện tích khoảng 280m² cho ông Nguyễn Hữu P1 và vợ là bà Trà Thị T4. Trong quá trình sử dụng, ông P1 và bà T4 đã sửa chữa, xây dựng lại toàn bộ căn nhà để ở. Đến ngày 08/8/2000, ông P1 và bà T4 lập giấy tay chuyển nhượng một phần đất trống (bên hông nhà) cho ông Lưu Quang T có diện tích khoảng 140m² và ông T sử dụng đến nay.

Năm 2002, ông T tiến hành xây dựng nhà tạm (không có giấy phép xây dựng) với cấu trúc: tường mượn, mái tole, nền xi măng (theo bản vẽ do Công ty Q lập ngày 06/07/2002). Đến tháng 9/2004, ông T nộp đơn xin phép xây dựng lại phần nhà này. Ngày 16/9/2004 B đã có Công văn số 3917/UB – UBND với nội dung cho phép ông T sửa chữa tạm (chống dột, nâng nền, nâng mái) với diện tích 33,6m² và ông T đã thực hiện sửa chữa lại nhà như hiện trạng bản vẽ bồi thường và sử dụng cho đến nay.

Ngoài ra, tháng 01/2007, ông T thực hiện xây dựng công trình không có giấy phép với diện tích (7,8m x 3,3m) x 2 51,48m² trên phần đất trống, UBND phường B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 và Quyết định cưỡng chế số 32/QĐ-UBND ngày 15/03/2007 (phần công trình này không thể hiện trong bản vẽ bồi thường).

Ngày 30/9/1999, B ban hành Quyết định số 2551/QĐ-UB-QLĐT về việc thu hồi đất công tại phường B do 346 hộ dân đang sử dụng (trong đó có hộ bà T4). Đến ngày 13/10/2003, B đã ban hành Quyết định số 9835/QĐ- UB-QLĐT về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2551/QĐ-UB-QLĐT, nội dung Quyết định có nêu giao Ủy ban nhân dân phường B lập sổ sách theo dõi, quản lý việc sử dụng đất của 346 hộ theo danh sách trước đây để thực hiện chính sách hỗ trợ, đền bù và các quy

định khác trong quản lý sử dụng đất”. Đất không nằm trong danh mục đất do UBND phường trực tiếp quản lý và ngày 17/4/2008, Công ty Q có Công văn số 381/CV-PTN-QLN xác nhận phần đất trên không có tên trong danh sách nhà sở hữu Nhà nước thuộc Công ty đang quản lý.

Về nộp thuế nhà đất: hộ Lưu Quang T không có tên trong danh sách sổ bộ thuế của phường. Diện tích nhà, đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

[4.2.2] Xét thấy, Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý số 151/UBND-XN, ngày 17/3/2010 của UBND phường B xác định: nhà, đất do hộ ông T sử dụng thuộc hiện trạng giải tỏa toàn bộ. Công văn số 427/UBND ngày 19/7/2012 của UBND phường B ghi nhận: “Trước đây, phần diện tích nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T thuộc khuôn viên đất của hộ bà Trà Thị T4 (căn cứ kê khai nhà, đất năm 1999 do bà T4 đứng kê khai và bản đồ địa chính 2002 cũng chỉ thể hiện một thửa đất) nên khi xác lập hồ sơ bồi thường ban đầu đã xác lập toàn bộ khuôn viên nhà, đất cho hộ bà T4 và hộ bà T4 có tên trong Quyết định số 11990/QĐ- UBND ngày 01/9/2009 về điều chỉnh di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị, vật kiến trúc khác...trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M thuộc địa bàn phường B, tại số thứ tự 326 theo danh sách”. Sau khi tách hồ sơ bồi thường cho hộ bà T4 và ông T, UBND phường B có thiếu sót trong việc đề xuất B ban hành quyết định bổ sung tên ông T vào danh sách điều chỉnh di chuyển vật kiến trúc.

Ngày 07/6/2009, bà Trà Thị T4 có đơn kiến nghị UBND phường B sớm được nhận tiền bồi thường đối với diện tích riêng của bà là 151,22m², diện tích còn lại 136,69m² là của ông T. Ông T cũng có ý kiến tách riêng hồ sơ bồi thường của ông và bà T4 theo biên bản làm việc ngày 27/8/2009. Ngày 01/9/2009, B ban hành Quyết định số 11990/QĐ-UBND về điều chỉnh di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị, vật kiến trúc khác... trong khu Q thuộc địa bàn phường B trong đó có hộ bà Trà Thị T4. Ngày 04/01/2010, B ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà T4, theo đó hủy bỏ Quyết định số 10849/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của Chủ tịch B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với hộ bà Trà Thị T4, giao UBND phường B xác nhận lại hồ sơ pháp lý hộ bà Trà Thị T4 và hộ ông Lưu Quang T. Sau đó thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư riêng cho hộ bà Trà Thị T4 và ông Lưu Quang T. Ngày 29/4/2010, Chủ tịch B ban hành Quyết định số 5354/QĐ-UBND về bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M bổ sung tên hộ ông Lưu Quang T.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định toàn bộ căn nhà số D, Khu phố B, phường B, Quận B thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 22, phường B, Quận B; tọa lạc trên phần đất có diện tích 136,69m² thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 22, phường B, Quận B đều thuộc dự án Khu đô thị M, phù hợp với Công văn số 271/BQL-ĐĐ, ngày 27/02/2013 của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị M và Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ-UB do UBND Thành phố H ban hành ngày 10/5/2002 về việc thu hồi đất xây dựng Khu đô thị M đính kèm bản đồ số 02/BB đã được Sở địa chính nhà đất duyệt ngày 03/5/2002 đều xác định vị trí nhà, đất của hộ ông Lưu Quang T nằm hoàn toàn trong khu quy hoạch dự án đô thị mới T. Ý kiến của ông T, ông T2 và ông K cho rằng nhà, đất của ông T nằm ngoài ranh dự án Khu đô thị M là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.3] Xét Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Chủ tịch B nay là Chủ tịch UBND thành phố T:

Căn cứ Quyết định số 3963/QĐ-UB ngày 30/9/2002 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân, cơ quan đơn vị vật kiến trúc khác và đền bù, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M tại Quận B. Tại Điều 2 có nêu: Danh sách các hộ dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị và vật kiến trúc khác phải điều chỉnh, di chuyển do Ủy ban nhân dân Quận B phối hợp với Ban quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị M xác định và công bố. Như nhận định ở phần [4.2.2], UBND phường B xác nhận lại hồ sơ pháp lý hộ bà Trà Thị T4 và hộ ông Lưu Quang T. Sau đó thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư riêng cho hộ bà Trà Thị T4 và ông Lưu Quang T, Ngày 29/4/2010, Chủ tịch B ban hành Quyết định số 5354/QĐ-UBND về bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M bổ sung tên hộ ông Lưu Quang T là phù hợp đối tượng sử dụng đất phải điều chỉnh, di chuyển, nên ông T yêu cầu hủy Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 là không có cơ sở chấp nhận.

[4.2.4] Xét Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch B nay là Chủ tịch UBND thành phố T:

Xét nguồn gốc đất có diện tích khoảng 280m² do ông Nguyễn Hữu P1 và vợ là bà Trà Thị T4 nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ tháng 6/1993. Trong quá trình sử dụng, ông P1 và bà T4 có sửa chữa lại toàn bộ nhà để ở. Theo Biên bản làm việc của UBND phường B ngày 21/9/2009, bà T4 khai thực tế bà sang nhượng lại cho ông Lưu Quang T 136,69m² đất vào năm 2000 nhưng ông T đã

nhờ bà T4 lập hợp đồng mua bán ký lùi ngày trước 15/10/1993, đồng thời bà T4 cũng cung cấp hợp đồng mua bán nhà ngày 09/8/2000 có Tổ trưởng tổ dân phố xác nhận. Theo tờ đăng ký nhà, đất ngày 05/8/1999, bà Trà Thị T4 kê khai thửa đất Tờ bản đồ số 01/529, thửa đất 530 với diện tích 280m² có nguồn gốc nhận sang nhượng từ tháng 6/1993. Căn cứ Công văn số 427/UBND, ngày 19/7/2012 của UBND phường B, ông T không nộp thuế nhà, đất. Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm ông T nhận chuyển nhượng nhà, đất là năm 2000, không phải đất của ông T bị thu hồi là đất đã sử dụng ổn định trước 15/10/1993 và không tranh chấp.

Căn cứ Khoản 4, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của UBND Thành phố H quy định: Đối với phần diện tích đất nông nghiệp có vị trí tiếp giáp với lề đường hiện hữu (mặt tiền đường T, đường L, đường ven sông S và mặt tiền các hẻm lớn hơn 6m) của một hộ sử dụng đất, được tính tăng thêm 50% đơn giá đền bù đã quy định và mặt tiền các hẻm lớn hơn 3m được tính tăng thêm không quá 40% đơn giá đền bù, tính trong phạm vi 100m kể từ tim đường. Vì vậy ngày 05/5/2010, Hội đồng Bồi thường hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị M đã ký Bảng chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 1976/BCT-BK cho ông Lưu Quang T như sau:

Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Đất nông nghiệp mặt tiền hẻm lớn hơn 3m: $136,69\text{m}^2 \times 280,000 \text{ đồng/m}^2 \times 100\% = 38.273.200 \text{ đồng};$

Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc: không bồi thường.

Bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác: 0 đồng

Bồi thường cây trồng, hoa màu: 650.000 đồng.

Các khoản hỗ trợ khác: 0 đồng

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là: 38.923.200 đồng

Về chính sách tái định cư và hỗ trợ tái định cư:

- Không đủ điều kiện mua căn hộ chung cư.

- Giá trị hỗ trợ bằng tiền từ chính sách tái định cư: $(136,69\text{m} \times 4,5\%) \times 16.000.000\text{đ/m}^2 = 98.416.800 \text{ đồng}.$

Ngày 10/5/2010, Chủ tịch B ban hành Quyết định số 5692/QĐ UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Lưu Quang T, chủ sử dụng

căn nhà (thửa đất) số D, khu phố B, phường B, Quận B với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là 137.340.000 đồng. Về tái định cư: không đủ điều kiện tái định cư.

Đối với nhà ở: Điểm đ, Khoản 6, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của UBND Thành phố H: “Đối với nhà xây dựng từ ngày 20/12/2001 (đối với khu đô thị M) hoặc từ ngày 22/4/2002 (đối với các Khu quy hoạch tái định cư) trở về sau: không xét hỗ trợ, phải tự di dời không điều kiện” nên ông T không được đền bù về nhà là phù hợp quy định.

Do ông T không đồng ý nội dung quyết định bồi thường, hỗ trợ và có khiếu nại yêu cầu bồi thường phần nhà đất diện tích 136,6m² theo đơn giá đất ở sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. Vì vậy, ngày 26/9/2011 Chủ tịch B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1928 bác khiếu nại của ông T là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên tại Báo cáo số 223/BC-TTr ngày 23/6/2017 của Thanh tra Q1 về giải quyết 08 trường hợp vướng khó thuộc Khu đô thị M, trong đó có hồ sơ ông Lưu Quang T như sau: “...Xét thấy, toàn bộ phần đất diện tích 287,91m² có nguồn gốc đất do ông Nguyễn Hữu P1, bà Trà Thị T4 sử dụng, xây dựng nhà ở từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, đến năm 2000 ông P1, bà T4 chuyển nhượng lại cho ông T một phần diện tích 136,69m². Phần nhà, đất còn lại diện tích 151,22m² ông P1, bà T4 tiếp tục sử dụng. B đã giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho ông P1, bà T4 đối với phần diện tích 151,22m² theo giá đất ở từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993. Như vậy, căn cứ theo quy định nói trên nếu ông P1, bà T4 sử dụng liên tục không chuyển nhượng lại đất cho ông T thì được bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư với diện tích 200m² đất ở. Tuy nhiên, do ông P1, bà T4 đã chuyển nhượng cho ông T một phần diện tích 136,69m², do đó ông P1, bà T4 chỉ được bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư diện tích còn lại thực tế 151,22m². Phần hạn mức còn lại 48,78m² cần xem xét giải quyết cho ông Lưu Quang T để đủ hạn mức 200m² đất ở và đảm bảo quyền lợi của ông T, phần diện tích ngoài hạn mức 200m² đất ở bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp. Do đó, B đề xuất UBND Thành phố và Thanh tra Thành phố như sau: Chấp thuận giao cho B vận dụng quy định về hạn mức bồi thường 200m² đất ở để giải quyết lại việc bồi thường cho ông Lưu Quang T theo hướng: Giải quyết bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho ông T đối với phần diện tích 48,78m² theo đơn giá đất ở từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, phần diện tích giải tỏa còn lại 89,91m² ông T được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp. Đồng thời thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch B đối với trường hợp của ông Lưu Quang T.....

Theo quy định tại điểm b.3.2 khoản 2.4 Điều 2 Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quy định kèm theo về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M và các khu phục vụ tái định cư tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với các trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp thành đất ở và người đang sử dụng đất bị thu hồi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp: trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp thành đất ở và xây dựng nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 20/12/2001 (đối với khu Đô thị M) hoặc trước ngày 22/4/2002 (đối với khu quy hoạch tái định cư) thì được hỗ trợ như sau: Trường hợp không vi phạm quy hoạch, hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã phê duyệt và công bố, không được bồi thường về đất, nhưng được hỗ trợ về đất ở theo diện tích thực tế sử dụng nhưng không quá hạn mức đất ở 200m²/hộ.

Ngày 12/02/2010 Chủ tịch B đã ban hành Quyết định số 2579/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông (bà) Trà Thị T4 chủ sử dụng căn nhà số D, khu phố B, phường B, Quận B, trong đó nêu: “...-Về tái định cư: Được mua nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giả tái định cư với diện tích tiêu chuẩn 151,22 m² ...”

Ngày 22/12/2017 Chủ tịch B đã ban hành Quyết định số 6289/QĐ- UBND-TTr về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1928/QĐ-UBND-TTr ngày 16/02/2011. Ngày 27/3/2019 B ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của B, kèm theo bản chiết tính điều chỉnh số 1976/ĐC-BK ngày 15/02/2019 theo đó ông T được tính diện tích đất ở là 48,78m², phần còn lại là đất nông nghiệp, ông T được tiêu chuẩn mua 01 căn hộ tái định cư. Việc điều chỉnh Quyết định 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 là có lợi hơn cho người sử dụng đất theo chính sách của Nhà nước, nên ông T yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch B không có cơ sở chấp nhận.

[4.2.5] Do ông T không chấp hành việc di dời, bàn giao mặt bằng làm ảnh hưởng đến tiến độ của dự án vì vậy UBND phường B, Quận B ra Thông báo số 24/TB-UBND ngày 18/02/2013 thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D Khu phố B, phường B, Quận B, sau đó Chủ tịch B ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 đối với hộ ông Lưu Quang T là đúng quy định.

[4.2.6] Về thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010, Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1928/QĐ-UBND-TTr ngày 16/02/2011 đã được thu hồi, hủy bỏ bởi Quyết định số 6289/QĐ-UBND-TTr ngày 22/12/2017 của Chủ tịch B và Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của B về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của B, việc ban hành các quyết định nêu trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

[4.2.7] Đối với yêu cầu: Xác định “hành vi hành chính của B về việc không phổ biến Đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới T” là trái pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Dự án Khu đô thị M thực hiện việc thu hồi đất theo Quyết định 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 kèm Bản đồ 02/BB-BQL về lập thủ tục thu hồi, giao đất đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức để người dân biết tại các phường, dọc tuyến đường Q, các phương tiện thông tin đại chúng. Hiện nay, Bản đồ 02/BB - BQL vẫn có hiệu lực sử dụng để thực hiện ranh thu hồi đất. Hồ sơ bồi thường của hộ ông Lưu Quang T được tách ra từ hồ sơ bồi thường của bà Trà Thị T4, do vậy vị trí khu đất đã được xác định nằm trong quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hồ sơ bồi thường của bà Trà Thị T4 và bà T4 không có khiếu nại đối với việc xác định vị trí khu đất. Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 151/UBND-XN ngày 17/3/2010 của UBND phường B xác định căn nhà số D, Khu phố B, phường B bị giải tỏa toàn bộ. Công văn số 271/BQL-ĐĐ ngày 27/02/2013, Ban Q2 mới T xác định vị trí căn nhà số D, Khu phố B, phường B, Quận B và khuôn viên có diện tích 140m² thuộc một phần thửa số 37, tờ bản đồ số 22, phường B, Quận B nằm trong phạm vi ranh đất tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng. Mặt khác, tại Thông báo số 1483/TB-TTTP ngày 04/9/2018 của Thanh tra Chính phủ về kết quả kiểm tra một số nội dung chủ yếu liên quan đến khiếu nại của công dân về Khu đô thị M và Thông báo số 1169/TB-TTTP ngày 21/7/2021 về Kết quả kiểm tra liên quan đến khiếu nại ranh quy hoạch 05 khu phố thuộc 03 phường thuộc Khu đô thị M của Thanh tra Chính phủ xác định chỉ có 4,3ha thuộc phường B, Quận B nằm ngoài ranh quy hoạch, còn 05 khu phố thuộc 03 phường trong đó có hộ ông T nằm trong ranh quy hoạch Khu đô thị M. Quá trình giải quyết bồi thường ông T cũng đã biết nhà, đất của mình nằm trong quy hoạch bị thu hồi và đã biết được Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm ngày 10/5/2002 và Bản đồ 02/BB-

BQL. Do đó, việc ông T cho rằng B không công bố quy hoạch và diện tích đất của ông không nằm trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M là không có căn cứ. Theo hồ sơ vụ án, các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D Khu phố B, phường B, Quận B nay là phường A, Thành phố T đã được B ban hành đúng trình tự, quy định pháp luật, vì vậy yêu cầu xác định “hành vi hành chính của B về việc không phổ biến đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ- UB ngày 10/5/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới T” là trái pháp luật của ông T là không có cơ sở .

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông T kháng cáo, cũng như yêu cầu của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông T đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được những căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận. Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Vì yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lưu Quang T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Nhưng ông đã là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí đề ngày 25/10/2023 nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Quang T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1892/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T về việc đề nghị Tòa án xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B nay là Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không phổ biến Đồ án quy hoạch liên quan đến Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới T là trái pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 về việc bổ sung danh sách di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị và vật kiến trúc trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị M và Quyết định số 5692/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12538/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch B nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc đề nghị Tòa án xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc sử dụng bản đồ bất hợp pháp để áp đặt nhà và đất D19/10D Khu phố B, phường B, Quận B nằm ngoài Quyết định 367 của Thủ tướng Chính phủ và ngoài Quyết định 13585 của Kiến trúc sư trưởng vào danh sách các hộ dân bị thu hồi theo Quyết định 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Bản đồ 02/BB-BQL có ranh giới dự kiến giao đất 930ha để ban hành các quyết định về điều chỉnh, di chuyển dân cư, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế và thông báo thời gian cưỡng chế đối với hộ D Khu phố B, phường B, Quận B.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

6. Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TP.HCM;
- TAND tỉnh TP.HCM;
- Cục THADS tỉnh TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú